TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16-01-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Ngọc Thành và bà Hoàng Thị Bích Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm L,** sinh năm 1978

Địa chỉ: 18 Tổ 2, ấp Ph, xã Ph1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Tr,** sinh năm 1976

Địa chỉ: 18 Tổ 2, ấp Ph, xã Ph1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(*Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm L và ông Nguyễn Văn Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định ngày 08/6/2001. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống ở Phú Thanh khoảng một năm thì đến xã Phú Trung sinh sống, làm việc từ đó đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng hơn một năm thì bà phát hiện ông Tr đang nợ tiền của nhiều người do chơi cá độ đá banh, khoảng vài năm thì ông Tr lại phát sinh nợ tiền của nhiều người, sau những lần ông Tr nợ tiền của nhiều người thì bà đã cố gắng khuyên can và đi làm, tích góp để trả nợ cho ông Tr nhưng ông Tr vẫn không thay đổi

bản thân. Sự việc mâu thuẫn của vợ chồng hai bên gia đình có hòa giải cho vợ chồng, ông Tr có hứa hẹn sẽ thay đổi nhưng khoảng một năm sau thì vẫn như vậy. Bà nhận thấy đã cố gắng hóa giải và bỏ qua ông Tr nhiều lần nhưng ông Tr vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay bà nhận thấy hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Tr.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16-02-2002 và Nguyễn Ngọc Quỳnh Th, sinh ngày 23-02-2012. Khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản: Bà L trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Tr không đến Tòa án tham gia tố tụng, khi Tòa án đến trực tiếp tại địa phương thì không gặp được, nên không thu thập được lời khai của bị đơn.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho bị đơn và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Về hôn nhân: Cho bà L được ly hôn với ông Tr. Về con chung: Giao cho bà L trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Ngọc Quỳnh Th, sinh ngày 23-02-2012, tạm thời ông Tr chưa phải cấp dưỡng cho con. Đối Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16-02-2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị xem xét. Đề nghị về tài sản chung, nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có tranh chấp. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr có nơi cư trú tại xã Ph1, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bà Nguyễn Thị Cẩm L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Tr, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự bà L là nguyên đơn và ông Tr là bị đơn, quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông Tr được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 08-6-2001. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét lời khai của bà L và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Bà L trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, ông Tr ham mê cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng đã không còn tình cảm và không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bản thân ông Tr đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến bà L, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn.

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định, bà L và ông Tr đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16-02-2002 và Nguyễn Ngọc Quỳnh Th, sinh ngày 23-02-2012. Cháu Q hiện đã trưởng thành có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Th và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện: Từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do bà L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời cháu Th là con chung trên 07 tuổi có nguyện vọng mong muốn được ở với bà L, bản thân bà L có trách nhiệm chăm sóc và nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Ông Tr biết bà L yêu

cầu ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn nhưng ông Tr không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung.

Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho cháu Th tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Th cho bà L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Bà L trình bày tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Tr không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung và không có yêu cầu phản tố. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần tài sản ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm L.

- Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Cẩm L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr.

- Về nuôi con: Bà L và ông Tr có 02 con chung là Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16-02-2002 và Nguyễn Ngọc Quỳnh Th, sinh ngày 23-02-2012. Hiện nay cháu Q hiện đã trưởng thành có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Giao cho bà Nguyễn Thị Cẩm L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc Quỳnh Th, sinh ngày 23-02-2012, tạm thời ông Tr chưa phải cấp dưỡng cho con. Ông Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản: Phần tài sản chung và nợ chung của các đương sự sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà

L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002867 ngày 19-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh (Số 23, ngày 08-6-2001) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Đại